

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày 26-5-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Lâm Quang Tụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Trọng L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 676 Đường Chi Lăng, thị trấn PC, huyện PN, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu 7, xã AĐ, huyện PN, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đinh Trọng L trình bày:

Anh có đăng ký hộ kinh doanh cá thể. Hộ kinh doanh cá thể do mình anh thành lập và anh là người đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh này. Hộ kinh doanh của anh có mở cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc tại khu 6, xã Phú Nham, huyện PN, tỉnh P. Anh C là khách hàng mua cám, con giống và thuốc thú y ở cửa hàng của anh. Khi anh C mua hàng, anh sẽ xuất giấy biên nhận và thu tiền, giấy này được in ra thành hai bản, một bản anh giữ một bản đưa anh C giữ. Trong giấy biên nhận và thu tiền sẽ thể hiện số tiền mua hàng, số tiền nợ cũ, số tiền tổng phải trả, số tiền thực thanh toán và số tiền còn nợ lại. Khi mua hàng anh C có khi thanh toán tiền hàng luôn nhưng cũng có khi nợ tiền hàng. Nếu nợ tiền hàng thì anh sẽ ghi số tiền nợ, số tiền trả và số tiền còn nợ lại. Sau khi anh C xem và đồng ý nội dung trong giấy biên nhận thì anh C sẽ ký vào phần ghi khách hàng. Có những khi giao hàng không có anh C thì vợ và con của anh C sẽ ký vào giấy. Cũng có những giấy anh C, vợ và con anh C không ký. Vì khi nhân viên anh đến giao hàng thì anh C không có nhà, không có ai nhận thay nên giấy ngày hôm đấy sẽ không ai ký (chỉ thông báo bằng

điện thoại), lần mua tiếp theo anh C sẽ xem lại tiền để đối chiếu tiền lần trước mua hàng, tiền mua hàng hiện tại và tổng số tiền còn nợ để ký vào giấy mua hàng lần sau đó.

Anh chỉ giữ được hóa đơn anh C mua hàng tại cửa hàng anh từ ngày 06/03/2017 đến ngày 28/4/2018 (những hóa đơn anh C mua hàng nhưng chưa thanh toán). Tính đến ngày 28/4/2018 anh C còn nợ số tiền mua hàng ở cửa hàng anh là 151.671.000 đồng. Sau ngày này anh C vẫn tiếp tục mua hàng của cửa hàng anh nhưng thanh toán tiền mua hàng luôn.

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong gia đoạn chuẩn bị xét xử anh khởi kiện đề nghị Tòa án buộc một mình anh C phải trả anh số tiền mua hàng còn nợ là 151.671.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm bảy mươi một đồng) và lãi suất chậm trả của số tiền trên theo quy định tính từ ngày 28/4/2018 đến nay. Tại phiên tòa anh chỉ đề nghị Tòa án buộc anh C phải trả anh số tiền mua hàng còn nợ là 151.671.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm bảy mươi một đồng) và không đề nghị về lãi.

Bị đơn anh C trình bày:

Anh có mua hàng hóa (gồm: cám ăn cò, gà giống, thuốc thú y) tại cửa hàng của anh L. Đây là anh tự đứng ra mua, vợ anh không biết việc này. Anh mua để về bán lại hoặc mở chăn nuôi riêng, không chăn nuôi nhằm mục đích phục vụ gia đình. Khi mua hàng nhân viên bán hàng sẽ giao cho anh một giấy biên nhận và thu tiền để giữ, một bản cửa hàng sẽ giữ và sẽ ghi vào sổ gốc (sổ gốc do người giao hàng giữ). Bây giờ anh không nhớ nhân viên này là người như thế nào. Trong giấy biên nhận và thu tiền sẽ thể hiện số tiền mua hàng, số tiền nợ cũ, số tiền tổng phải trả, số tiền thực thanh toán và số tiền còn nợ lại. Sau khi xem lại giấy biên nhận này anh xác nhận đúng thì anh ký vào giấy ở phần khách hàng.

Trong số 31 giấy biên nhận và thu tiền mà anh L giao nộp cho Tòa án, anh xác nhận giấy nào có chữ ký, chữ viết của anh, vợ anh (Thúy), con anh (Nguyễn Duy Linh) thì đúng là chữ ký của anh, vợ anh, con anh. Ngày mua hàng, nội dung trong giấy biên nhận và thu tiền mà có chữ ký, chữ viết của anh, vợ anh hoặc con anh là đúng ngày anh mua hàng tại cửa hàng, nội dung trong giấy biên nhận và thu tiền là đúng nội dung như anh đã xem và ký vào giấy này tại thời điểm mua hàng. Những giấy biên nhận không có chữ ký của anh, vợ và con anh là anh không mua hàng ngày hôm đó. Có chữ ký của vợ anh và con anh trong giấy biên nhận và thu tiền là thời điểm giao hàng anh không có nhà vợ, con anh nhận hộ anh.

Anh xác định có nợ tiền mua hàng tại cửa hàng của anh L. Tuy nhiên số tiền nợ anh không xác định được. Theo các giấy biên nhận và thu tiền anh cung cấp cho Tòa án xác định có những lần anh đã trả tiền nhưng không được trừ đi. Cụ thể: ngày 11/01/2017 anh có trả hai mươi triệu là còn 93.000.000 đồng nhưng ngày lấy hàng 23/01/2017 anh L lại chốt số nợ là 102.000.000 đồng (chênh lên là 9.000.000 đồng). Ngày 01/3/2017 số tiền còn lại 121.112.996 đồng nhưng ngày anh lấy hàng là 10/3/2017 thì số nợ lại là 126.403.000 đồng. Mà từ ngày 11/01/2017 đến ngày 23/01/2017 và từ ngày 01/3/2017 đến ngày 10/3/2017 anh không mua gì của cửa hàng của anh L. Giấy biên nhận và thu tiền ngày 28/4/2018 anh có tự nguyện ký vào giấy này.

Nay anh L đề nghị Tòa án buộc anh phải trả anh L số tiền 151.671.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm bảy mươi một đồng) thì quan điểm của anh

là anh chưa xác định được số tiền mua hàng còn nợ anh L, vì anh cho rằng số tiền này đang không khớp trong giấy biên nhận mà anh L cung cấp cho Tòa án và những giấy biên nhận mà anh cung cấp cho Tòa. Anh nhất trí trả số tiền hàng còn nợ anh L khi anh L cho anh xem sổ gốc để đối chiếu cụ thể số tiền và số tiền này anh đề nghị được trả dần do anh đang gặp khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Đinh Trọng L khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hữu C trả số tiền mua bán cám lợn còn nợ nên đây xác định là “ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu C hiện đang cư trú tại khu 7, xã AĐ, huyện PN, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

- Về số tiền mua bán hàng hóa mà anh L yêu cầu anh C trả là 151.671.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh C và anh L đều xác nhận: Anh C còn nợ tiền mua hàng tại cửa hàng anh L. Khi anh C mua hàng, anh L sẽ xuất ra 02 giấy biên nhận và thu tiền, trong này sẽ thể hiện tên hàng hóa mua, số lượng mua và giá tiền, số tiền nợ cũ, số tiền phải trả và anh C (hoặc vợ, con của anh C) sẽ ký vào phần khách hàng. Anh L và anh C cũng xác nhận đây là vay nợ riêng của anh C và anh L không liên quan gì đến gia đình anh C hay anh L.

Tuy nhiên về số tiền mua cám mà anh C còn nợ anh L thì anh L và anh C có quan điểm khác nhau. Anh L cho rằng số tiền anh C còn nợ khi mua cám của cửa hàng anh là 151.671.008 đồng. Còn anh C không xác định số tiền mua cám còn nợ anh L là bao nhiêu. Anh cho rằng anh L cộng tiền hàng là chưa đúng, chưa trừ tiền của những lần anh trả bớt số tiền mua cám còn nợ hay có một số giấy biên nhận và

thu tiền anh C không ký vào bên khách hàng. Anh yêu cầu anh L phải xuất trình toàn bộ giấy biên nhận và thu tiền từ thời điểm anh bắt đầu mua cám nhà anh L đến ngày 28/4/2018.

Quá trình giải quyết vụ án: Anh L đã cung cấp cho Tòaán 32 giấy biên nhận và thu tiền vay tiền (được đánh số từ 01-32) và 01 bản theo dõi công nợ đối tác từ ngày 24/9/2014 đến ngày 24/4/2023 (BL 74-77). Trong các tài liệu anh L cung cấp đều thể hiện số tiền anh C còn nợ tiền mua cám của anh L tính đến ngày 28/4/2018 là 151.671.008 đồng. Tại bản theo dõi công nợ đối tác từ ngày 22/5/2018 đến ngày 22/4/2020 (BL 55) do anh C cung cấp cũng thể hiện số tiền mua hàng mà anh C nợ anh L tính đến ngày 22/5/2018 là 151.671.000 đồng.

Việc anh L chỉ khởi kiện số tiền 151.671.000 đồng là do những lần mua bán cám sau ngày 28/4/2018, khi anh C mua cám của cửa hàng anh thì phải thanh toán tiền luôn, chỉ có một vài lần mua cám anh C không trả tiền ngay cho anh nên mới có việc hai bên chốt nợ đến ngày 24/4/2023 là 157.091.000 đồng. Nhưng anh L không còn giữ lại giấy biên nhận và thu tiền mua bán cám giữa anh và anh C từ sau ngày 28/4/2018 (do những giấy biên nhận đó anh C đều trả tiền mua cám) nên anh L chỉ khởi kiện anh C phải trả mình số tiền là 151.671.000 đồng.

Anh C còn cho rằng có những lần anh đã trả được tiền nhưng không được anh L trừ đi, cụ thể ngày 11/01/2017 chốt số nợ là 93.000.000 đồng nhưng ngày 23/01/2017 anh mua hàng lại chốt số nợ là 102.000.000 đồng. Ngày 01/3/2017 số tiền nợ là 121.112.996 đồng nhưng ngày 10/3/2017 lại ghi số tiền nợ cũ là 126.403.000 đồng. Nhiều giấy biên nhận và thu tiền không có chữ của anh. Tuy nhiên anh C thừa nhận chữ ký của anh hay của vợ anh, con anh trong giấy biên nhận và thu tiền đúng là chữ ký của anh và vợ, con của anh. Nội dung trong giấy biên nhận và thu tiền đều đúng nếu anh hay vợ, con của anh ký vào giấy biên nhận và thu tiền này.

Trong các giấy biên nhận và thu tiền từ ngày 6/3/2017 đến ngày 28/4/2018 (do anh L cung cấp) có những hóa đơn anh C không ký và có số tiền nợ cũ còn lại không khớp với số tiền cũ còn nợ lại với ngày mua hàng tiếp sau ngày đó như anh C trình bày là đúng. Tuy nhiên giấy biên nhận và thu tiền ngày 13/10/2017, ngày 18/10/2017, 24/10/2017 và 28/4/2017 có chữ ký của anh C, ngày 30/10/2017 có chữ ký của vợ anh C. Giấy biên nhận và thu tiền ngày 28/4/2017 thể hiện số tiền mua hàng còn nợ lại giữa anh C và anh L là 151.671.008 đồng. Anh cũng xác nhận đây đúng là chữ ký của anh và khi lý anh hoàn toàn tự nguyện. Ngoài ra tại bản theo dõi công nợ đối tác từ ngày 22/5/2018 đến ngày 22/4/2020 (BL 55) do anh C cung cấp cũng thể hiện số tiền mua hàng mà anh C nợ anh L tính đến ngày 22/5/2018 là 151.671.000 đồng, ngoài ra số tiền mua hàng còn nợ lại của những ngày này đều trùng khớp với số tiền còn nợ lại thể hiện trong Giấy biên nhận và thu tiền.

Mặc dù anh C không thừa nhận số tiền mà anh L yêu cầu anh phải trả nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh C không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà anh L cung cấp có trong hồ sơ vụ án để xác định số tiền mua hàng mà anh C còn nợ anh L là 151.671.000 và cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, đề nghị anh C phải trả toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ 151.671.000 đồng.

Về lãi suất: Tại phiên tòa anh L không đề nghị anh C phải trả lãi đối với số tiền mua hàng còn nợ là 151.671.000 đồng là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về án phí: Do anh L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên anh C phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, Điều, 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trọng L
2. Buộc ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trọng L số tiền mua hàng còn nợ là 151. 671.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu C phải nộp 7.583.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho anh Đinh Trọng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001781 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thanh Tùng